TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D K** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20-01-2025
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUYỆN D K - KHÁNH HÒA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hoa
Ông Võ Văn Nhu

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D K, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D K, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên toà: Ông Trần Công Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện huyện D K, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 305/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa: 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Kiều N - sinh năm 1989
Địa chỉ: Thôn L T, xã D T, huyện D K, tỉnh Khánh Hòa.
Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- *Bị đơn*: Ông Trần Xuân L - sinh năm 1988
Địa chỉ: Thôn C S, xã Diên D, huyện D K, tỉnh Khánh Hòa.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 10 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều N trình bày:

Bà và ông Trần Xuân L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã D T, huyện D K vào năm 2015. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nay do bất đồng quan điểm, dẫn đến vợ chồng hay cãi vã và ông L nghiện cờ bạc dẫn đến nợ nần (nợ của riêng ông), ông L không có trách nhiệm lo cho gia đình, mọi việc để mình bà gánh vác. Nhiều lần vì nghĩ cho con nên cả hai đã nói chuyện hàn gắn nhưng không có kết

quả nên bà và ông L không còn chung sống với nhau đã hơn 01 năm nay. Khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bà không báo chính quyền địa phương hòa giải mâu thuẫn vì nghĩ để vợ chồng tự giải quyết. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông L, không thể nào kéo dài tình trạng hôn nhân này nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà và ông L có 01 con chung là Trần Ngọc Tâm Nh, sinh ngày 31/7/2018, con đang sinh sống với bà, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con vì bà có công việc ổn định, đảm bảo khả năng nuôi dưỡng con tốt.

Về tài sản chung: Bà và ông L không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà và ông L không có nợ chung.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Xuân L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa án làm việc, không có lời khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt; nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D K, tỉnh Khánh Hòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, bị đơn không có lời khai, không đến Tòa án làm việc.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kiều N đối với ông Trần Xuân L. Về con chung: Giao con chung Trần Ngọc Tâm Nh, sinh ngày 31/7/2018 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ghi nhận việc bà N tự nguyện không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Bà N xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không xét. Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều N và ông Trần Xuân L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D T, huyện D K và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 44 vào ngày 23/9/2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà N xác định trong thời gian chung sống giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc và không thể hàn gắn được; hiện tại, bà N không còn tình cảm với ông L; không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ

hôn nhân. Bà N và ông L không còn chung sống với nhau hơn 01 năm nay. Quá trình giải quyết vụ án, ông L đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc điều này thể hiện ông L có thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến quan hệ vợ chồng, không muốn hàn gắn đoàn tụ. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

[3]. Về con chung: Bà N và ông L có 01 con chung là Trần Ngọc Tâm Nh, sinh ngày 31/7/2018. Theo yêu cầu của bà N là có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì hiện nay con do bà N trực tiếp nuôi dưỡng; do đó, cần giao con chung cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà N tự nguyện không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kiều N xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không giải quyết. Do bị đơn ông Trần Xuân L chưa có lời khai về vấn đề này nên nếu sau này đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kiều N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị Kiều N được ly hôn với ông Trần Xuân Lĩnh.

2. Về con chung:

Giao con chung Trần Ngọc Tâm Nh, sinh ngày 31/7/2018 cho bà Nguyễn Thị Kiều N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc bà N không yêu cầu ông Trần Xuân L cấp dưỡng nuôi con.

Bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Quá trình nuôi dưỡng con chung, bà N, ông L có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kiều N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000926 ngày 30/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D K - tỉnh Khánh Hòa. Bà N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D K;
- Chi cục THADS huyện D K;
- UBND xã D T (Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 23/9/2015);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hoa